

CÁC BỘ**BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG****BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG****CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

Số: 01/2005/TT-BBCVT

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày 06 tháng 5 năm 2005

THÔNG TƯ**Hướng dẫn về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư và đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài**

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25 tháng 5 năm 2002;

Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP ngày 11 tháng 11 năm 2002 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;

Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18 tháng 8 năm 2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính;

Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn cụ thể về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư và đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài như sau:

I. QUY ĐỊNH CHUNG**1. Phạm vi điều chỉnh**

Thông tư này hướng dẫn chi tiết một số nội dung của Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính (sau đây gọi là Nghị định) liên quan đến việc cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư (sau đây gọi là giấy phép) và việc đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài (sau đây gọi là đại lý).

2. Đối tượng áp dụng

2.1. Đối tượng được xem xét để cấp giấy phép:

a) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trừ doanh nghiệp có vốn nước ngoài, muốn kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư trong nước và đủ điều kiện quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định.

b) Doanh nghiệp thuộc các thành phần kinh tế, trừ doanh nghiệp 100% vốn nước ngoài, muốn kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư quốc tế và đủ điều kiện quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định.

c) Doanh nghiệp đang hoạt động cung cấp dịch vụ bưu chính theo quy định tại khoản 1 Điều 40 Nghị định.

d) Doanh nghiệp đang cung cấp dịch vụ theo quy định tại khoản 2 Điều 40 Nghị định, trừ doanh nghiệp hoạt động theo Luật Đầu tư nước ngoài tại Việt Nam.

2.2. Đối tượng được đăng ký làm đại lý gồm: Bưu chính Việt Nam, doanh nghiệp được cấp phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư quốc tế và doanh nghiệp đang làm đại lý trước khi Nghị định có hiệu lực.

3. Trách nhiệm của người lập hồ sơ đề nghị cấp giấy phép và hồ sơ đăng ký làm đại lý

Tổ chức, cá nhân đứng tên đề nghị cấp giấy phép hoặc đăng ký làm đại lý phải chịu trách nhiệm về tính chính xác và tính hợp pháp của các tài liệu trong hồ sơ liên quan.

4. Các giấy phép đã cấp và các trường hợp đăng ký làm đại lý được Bộ Bưu chính, Viễn thông đăng tải trên trang thông tin điện tử của Bộ Bưu chính, Viễn thông (địa chỉ website <http://www.mpt.gov.vn>).

II. CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT THƯ

1. Hoạt động chuyển phát thư của các cá nhân trên cơ sở tự thỏa thuận với người gửi và không nhận thù lao với số lượng tối đa không quá 50 thư trong một lần chuyển phát không phải xin giấy phép.

2. Phạm vi dịch vụ chuyển phát thư trong nước quy định tại khoản 2 Điều 21 Nghị định là việc tổ chức nhận gửi, chuyển, phát thư trên địa bàn một tỉnh, thành phố trực thuộc Trung ương (dưới đây gọi là tỉnh, thành phố) hoặc liên tỉnh, thành phố hoặc trên toàn lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam.

3. Phạm vi dịch vụ chuyển phát thư quốc tế quy định tại khoản 3 Điều 21 Nghị định là việc tổ chức nhận gửi thư trên lãnh thổ nước Cộng hòa XHCN Việt Nam để chuyển, phát ra nước ngoài hoặc tổ chức nhận thư từ nước ngoài về phát tại Việt Nam hoặc cả hai chiều.

4. Đối với điều kiện quy định tại điểm c) khoản 2 Điều 21 Nghị định hoặc điểm c)

khoản 3 Điều 21 Nghị định, nếu doanh nghiệp chưa đáp ứng được điều kiện này thì sẽ phải qua thử nghiệm dịch vụ theo quy định.

5. Hồ sơ, thủ tục cấp giấy phép (bao gồm cả việc cấp lại giấy phép mới sau khi giấy phép cũ hết hạn)

5.1. Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

a) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép bao gồm các giấy tờ sau đây:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép theo mẫu tại Phụ lục 1 Thông tư này;

- Bản sao công chứng Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

- Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp (nếu có);

- Đề án cung cấp dịch vụ gồm các nội dung chủ yếu sau:

+ Loại dịch vụ dự kiến cung cấp;

+ Địa bàn dự kiến cung cấp dịch vụ;

+ Cơ cấu tổ chức và hệ thống quản lý điều hành dịch vụ; số điện thoại liên lạc của trụ sở chính và các chi nhánh địa phương (nếu có);

+ Lợi ích kinh tế - xã hội của việc cung cấp dịch vụ;

+ Quy trình khai thác dịch vụ;

+ Các biện pháp bảo đảm an toàn và an ninh thông tin.

- Tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; bảng giá cước; mẫu hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ hoặc chứng từ, vận đơn;

- Quy định về nguyên tắc và mức bồi thường;

- Các tài liệu chứng minh kinh nghiệm của doanh nghiệp;

- Thỏa thuận với đối tác nước ngoài để chuyển phát thư ra nước ngoài, nhận thư từ nước ngoài về phát tại Việt Nam (đối với hồ sơ đề nghị cấp phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư quốc tế).

b) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép thử nghiệm bao gồm các giấy tờ như quy định tại điểm a) nêu trên.

c) Hồ sơ đề nghị cấp giấy phép sau thời gian thử nghiệm gồm các giấy tờ sau:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép.

- Báo cáo kết quả thử nghiệm (tình hình kinh doanh, chất lượng dịch vụ, việc đảm bảo an toàn, an ninh thông tin và kết quả tài chính).

d) Hồ sơ đề nghị cấp phép quy định tại điểm a), b) và c) Khoản 5.1 này phải được lập thành 04 bộ, trong đó 01 bộ là bản chính và 03 bộ là bản sao.

5.2. Địa điểm tiếp nhận hồ sơ đề nghị cấp phép: Bộ Bưu chính, Viễn thông, 18 phố Nguyễn Du, Hà Nội.

5.3. Thủ tục cấp giấy phép

Bộ Bưu chính, Viễn thông thẩm định

hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hoặc làm đầu mối tập hợp các ý kiến thẩm định của các cơ quan quản lý nhà nước liên quan về hồ sơ này.

a) Kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ đề nghị cấp giấy phép:

- Tính hợp lệ của hồ sơ được xác định thông qua:

+ Số lượng bộ hồ sơ cần phải nộp và những đầu mục văn bản cần phải có trong mỗi bộ hồ sơ theo quy định;

+ Việc khai đủ nội dung và sự thống nhất giữa các giấy tờ trong hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 20 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Bưu chính, Viễn thông thông báo cho doanh nghiệp bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này về những nội dung cần bổ sung, sửa đổi và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Thẩm định hồ sơ đề nghị cấp giấy phép

- Thẩm định tư cách pháp lý thông qua:

+ Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh;

+ Điều lệ tổ chức và hoạt động của doanh nghiệp.

- Thẩm định về mức độ phù hợp đối với các lợi ích kinh tế - xã hội thông qua:

+ Mức độ phù hợp của đề án so với quy hoạch, định hướng, chiến lược phát triển thị trường bưu chính;

+ Những lợi ích kinh tế - xã hội mà doanh nghiệp có khả năng mang lại (khả năng tạo công ăn việc làm, mức đóng góp cho Nhà nước và các lợi ích khác).

- Thẩm tra thực tế các biện pháp bảo đảm an toàn mạng và an ninh thông tin.

+ Thẩm tra thực tế quy trình khai thác dịch vụ (nếu cần thiết).

c) Cấp giấy phép

- Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đề nghị cấp giấy phép hợp lệ, Bộ Bưu chính, Viễn thông có trách nhiệm thẩm định hồ sơ và cấp giấy phép theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này. Trường hợp từ chối cấp giấy phép, Bộ Bưu chính, Viễn thông thông báo bằng văn bản cho doanh nghiệp biết lý do.

- Thời hạn của giấy phép được xác định trên cơ sở quy mô, phạm vi cung cấp dịch vụ và theo đề nghị của doanh nghiệp nhưng tối đa không quá 10 năm. Đối với trường hợp thử nghiệm, giấy phép có thời hạn tối đa không quá 01 năm.

5.4. Cấp giấy phép mới sau khi giấy phép cũ hết hạn

a) Trước khi hết hạn giấy phép 06 tháng, doanh nghiệp muốn tiếp tục kinh

doanh dịch vụ chuyển phát thư phải gửi hồ sơ đề nghị cấp giấy phép mới tới Bộ Bưu chính, Viễn thông.

b) Hồ sơ đề nghị cấp phép mới gồm:

- Đơn đề nghị cấp giấy phép mới;
- Báo cáo kết quả kinh doanh;
- Đề án cung cấp dịch vụ trong giai đoạn tiếp theo;
- Bản sao Giấy phép đang có hiệu lực và các tài liệu liên quan khác.

c) Hồ sơ đề nghị cấp phép mới được lập thành 04 bộ, trong đó 01 bộ là bản chính và 03 bộ là bản sao.

d) Thủ tục cấp giấy phép mới được thực hiện theo trình tự quy định tại điểm 5.3 Mục II Thông tư này, nhưng thời hạn giải quyết không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

5.5. Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

a) Cấp lại giấy phép trong trường hợp bị mất giấy phép

- Khi bị mất giấy phép, doanh nghiệp phải khai báo với cơ quan Công an nơi gần nhất, gửi giấy báo tới Bộ Bưu chính, Viễn thông và thông báo trên phương tiện thông tin đại chúng 03 lần liên tiếp.

- Sau 30 ngày kể từ ngày thông báo công khai, nếu doanh nghiệp không tìm lại được giấy phép đã mất, doanh nghiệp

gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp lại giấy phép. Hồ sơ gồm có:

- + Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;
- + Xác nhận của cơ quan Công an về việc khai báo mất giấy phép;

b) Cấp lại giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư trong trường hợp giấy phép bị rách, nát.

Trường hợp giấy phép bị rách, nát, doanh nghiệp gửi 01 bộ hồ sơ đề nghị Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp lại giấy phép. Hồ sơ gồm có:

- + Đơn đề nghị cấp lại giấy phép;
- + Bản chính giấy phép đã bị rách, nát.

c) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ, Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp lại giấy phép cho doanh nghiệp theo mẫu quy định tại Phụ lục 3 Thông tư này. Số của giấy phép cấp lại là số ghi trong giấy phép đã mất hoặc bị rách, nát. Trên giấy phép cấp lại ghi rõ lần cấp lại và ngày cấp lại.

6. Sửa đổi, bổ sung giấy phép

6.1. Doanh nghiệp phải gửi hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép như quy định tại điểm 1 Điều 24 Nghị định tới Bộ Bưu chính, Viễn thông khi muốn sửa đổi, bổ sung một trong các nội dung sau:

- a) Tên doanh nghiệp;
- b) Phạm vi cung cấp dịch vụ.

6.2. Hồ sơ đề nghị sửa đổi, bổ sung giấy phép được lập thành 04 bộ, trong đó 01 bộ là bản chính và 03 bộ là bản sao.

6.3. Thủ tục sửa đổi, bổ sung giấy phép được thực hiện theo trình tự như quy định tại điểm 5.3 Mục II Thông tư này, nhưng thời hạn giải quyết không quá 30 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ hợp lệ.

6.4. Những thay đổi liên quan đến hồ sơ đề nghị cấp giấy phép của doanh nghiệp (người đứng đầu doanh nghiệp: tên, địa chỉ và số điện thoại liên lạc; chỉ tiêu chất lượng dịch vụ; giá, cước dịch vụ; hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ; các quy định liên quan đến bồi thường thiệt hại và các thay đổi khác) phải được thông báo bằng văn bản cho Bộ Bưu chính, Viễn thông trong thời hạn 07 ngày trước ngày sự thay đổi đó có hiệu lực.

7. Thu hồi giấy phép

7.1. Bộ Bưu chính, Viễn thông thu hồi giấy phép đã cấp trong các trường hợp quy định tại điểm 1 Điều 25 Nghị định theo mẫu quy định tại Phụ lục 4 Thông tư này.

7.2. Kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực, doanh nghiệp phải chấm dứt việc ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chuyển phát thư. Trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực,

doanh nghiệp phải giải quyết thanh lý toàn bộ các hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ đã thỏa thuận với khách hàng.

III. ĐĂNG KÝ LÀM ĐẠI LÝ CHUYỂN PHÁT THƯ CHO TỔ CHỨC CHUYỂN PHÁT NƯỚC NGOÀI

1. Hợp đồng đại lý dịch vụ chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài có hiệu lực sau khi có xác nhận của Bộ Bưu chính, Viễn thông về việc đăng ký đại lý.

2. Đăng ký làm đại lý

2.1. Hồ sơ đăng ký làm đại lý được lập 01 bộ và gồm các loại giấy tờ sau:

a) Đơn đề nghị đăng ký làm đại lý dịch vụ chuyển phát thư cho các tổ chức nước ngoài được lập thành 02 bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 5 Thông tư này;

b) Bản sao giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư quốc tế (đối với doanh nghiệp trong nước) hoặc bản sao có công chứng giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn nước ngoài) của doanh nghiệp nhận làm đại lý;

c) Tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức chuyển phát nước ngoài;

d) Hợp đồng đại lý;

đ) Mẫu hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ và các tài liệu liên quan khác;

e) Bảng giá cước và tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ; quy định về nguyên tắc và mức bồi thường.

2.2. Thủ tục đăng ký làm đại lý

a) Bộ Bưu chính, Viễn thông kiểm tra tính hợp lệ của hồ sơ cấp phép thông qua những đầu mục văn bản cần phải có trong hồ sơ theo quy định, việc khai đủ nội dung và sự thống nhất giữa các giấy tờ trong hồ sơ, thẩm định tư cách pháp lý của các bên liên quan thông qua giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư quốc tế (đối với doanh nghiệp trong nước) hoặc giấy phép đầu tư (đối với doanh nghiệp có vốn nước ngoài) của doanh nghiệp muốn nhận làm đại lý và tài liệu chứng minh tư cách pháp nhân của tổ chức chuyển phát nước ngoài.

Trường hợp hồ sơ không hợp lệ theo quy định, trong thời hạn 05 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ, Bộ Bưu chính, Viễn thông thông báo cho doanh nghiệp bằng văn bản theo mẫu quy định tại Phụ lục 2 Thông tư này về những nội dung

cần bổ sung, sửa đổi và hướng dẫn hoàn chỉnh hồ sơ theo quy định.

b) Trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày nhận được hồ sơ đăng ký làm đại lý hợp lệ, Bộ Bưu chính, Viễn thông vào sổ theo dõi, xác nhận việc đăng ký đại lý trên đơn đề nghị của doanh nghiệp và trả lại 01 bản cho doanh nghiệp bằng đường nhanh nhất.

IV. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Thông tư này có hiệu lực sau 15 ngày, kể từ ngày đăng Công báo. Những quy định trước đây trái với Thông tư này đều bãi bỏ.

2. Trong quá trình thực hiện, nếu có vướng mắc, cần phản ánh kịp thời về Bộ Bưu chính, Viễn thông để xem xét giải quyết./.

**BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH,
VIỄN THÔNG**

Đỗ Trung Tá

PHỤ LỤC 1: Mẫu văn bản đề nghị cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

ĐƠN ĐỀ NGHỊ CẤP GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYỂN PHÁT THƯ

Kính gửi: Bộ Bưu chính, Viễn thông

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành;

(Tên doanh nghiệp) đề nghị Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư theo quy định của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông.

Phần 1. Thông tin về doanh nghiệp

1. Tên doanh nghiệp: (tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa)

- Tên giao dịch

- Tên viết tắt

(bằng tiếng Việt và tiếng nước ngoài - nếu có).

2. Địa điểm trụ sở chính, chi nhánh, địa điểm giao dịch

Điện thoại..... FAX..... E-mail...www...

3. Tên và địa chỉ liên lạc của người đại diện theo pháp luật

4. Tên và địa chỉ của người liên lạc thường xuyên trong doanh nghiệp.

Phần 2. Miêu tả dịch vụ

Thông tin ngắn gọn về dịch vụ dự kiến cung cấp (loại dịch vụ, phạm vi cung cấp, phương thức thực hiện dịch vụ, giá cước và thời hạn hoạt động).

Phần 3. Kèm theo

- Hồ sơ cấp phép theo quy định

Phần 4. Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin cam kết:

- Chịu trách nhiệm trước pháp luật về tính chính xác và tính hợp pháp của nội dung trong Đơn đề nghị và các tài liệu kèm theo.

- Nếu được cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư, sẽ chấp hành nghiêm chỉnh các quy định của pháp luật Việt Nam liên quan và các quy định của giấy phép kinh doanh.

Người đại diện doanh nghiệp

(Ký, ghi rõ họ tên, chức danh và đóng dấu)

PHỤ LỤC 2: Mẫu văn bản thông báo yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... /TB-BBCVT

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

THÔNG BÁO

V/v yêu cầu sửa đổi, bổ sung hồ sơ

Kính gửi:

Bộ Bưu chính, Viễn thông có địa chỉ trụ sở tại 18 Nguyễn Du - Hà Nội

Điện thoại..... FAX.....

Đã nhận được hồ sơ..... của (*tên doanh nghiệp*)

Trụ sở tại

Về việc

Sau khi xem xét hồ sơ, Bộ Bưu chính, Viễn thông yêu cầu (*tên doanh nghiệp*) sửa đổi, bổ sung một số nội dung trong hồ sơ và hướng sửa đổi, bổ sung như sau:

.....
.....
.....
.....
.....

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

(*Ký tên, đóng dấu và ghi rõ họ tên*)

Nơi nhận:

- Như trên;

-

-

PHỤ LỤC 3: Mẫu giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyên phát thư

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

GIẤY PHÉP KINH DOANH DỊCH VỤ CHUYÊN PHÁT THƯ

cấp cho

(Tên doanh nghiệp)

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... / GP-BBCVT

Hà Nội, ngày..... tháng..... năm 200.....

BỘ TRƯỞNG
BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

- Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002;
- Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;
- Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính;
- Căn cứ Thông tư số...../200.../TT-BBCVT ngày...../...../200.... của Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư và đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài;
- Xét Đơn đề nghị cấp giấy phép số..... ngày...../...../200.... của (*Tên doanh nghiệp*) về việc trình đề án xin cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư kèm theo hồ sơ đề nghị cấp giấy phép;
- Xét đề nghị của Vụ Trưởng Vụ.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay cho phép (*Tên doanh nghiệp*)¹ có trụ sở chính tại (*Địa chỉ*), (dưới đây gọi là Doanh nghiệp), được kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư bao gồm việc tổ chức nhận gửi, chuyển và phát thông tin dưới dạng văn bản được đóng gói, dán kín, có khối lượng đơn chiếc không quá hai kilogram (02 kg) và gửi tới một địa chỉ cụ thể. Những chỉ dẫn chung về nơi nhận cũng được coi là địa chỉ nhận.

Điều 2: Phạm vi cung cấp dịch vụ

(*Doanh nghiệp*) được phép cung cấp dịch vụ trên địa bàn..... (*tên địa danh*)

Điều 3: Giá cước dịch vụ

(*Doanh nghiệp*) quyết định giá cước dịch vụ trên cơ sở giá thành dịch vụ nhưng không được thấp hơn mức..... (*mức tiền cụ thể*). Mức giá cước này có thể được Bộ Bưu chính, Viễn thông điều chỉnh trong từng thời kỳ.

¹ được thành lập theo Quyết định số... của (*Cơ quan ban hành quyết định*) - nếu có.

Điều 4: Trường hợp tuyên bố phá sản, giải thể hoặc bị thu hồi giấy phép, doanh nghiệp có trách nhiệm giải quyết thanh lý các hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ đã thỏa thuận với khách hàng trong vòng 30 ngày kể từ khi tuyên bố phá sản, giải thể hoặc quyết định thu hồi giấy phép có hiệu lực.

Điều 5: Ngoài các nghĩa vụ theo luật định, (*doanh nghiệp*) có nghĩa vụ:

1. Thực hiện các biện pháp bảo vệ quyền lợi quốc gia, quyền và lợi ích hợp pháp của người sử dụng dịch vụ.
2. Bảo vệ an toàn và an ninh thông tin cho dịch vụ chuyển phát thư; thực hiện các quy định và chịu sự kiểm soát của cơ quan nhà nước có thẩm quyền trong việc đảm bảo an toàn và an ninh thông tin.
3. Báo cáo định kỳ theo quy định và theo yêu cầu của Bộ Bưu chính, Viễn thông.
4. Nộp lệ phí cấp phép theo quy định.

Điều 6: Giấy phép này có hiệu sau 15 ngày kể từ ngày ký và có thời hạn (*số năm*), trừ khi bị thu hồi theo quy định của pháp luật.

Điều 7: Giấy phép này được lập thành năm (05) bản gốc; một (01) bản cấp cho (*doanh nghiệp*); một (01) bản lưu tại Bộ Bưu chính, Viễn thông; một (01) bản gửi cho cơ quan cấp đăng ký kinh doanh và hai (02) bản gửi cho các cơ quan nhà nước có thẩm quyền liên quan.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

PHỤ LỤC 4: Mẫu Quyết định thu hồi giấy phép

BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số..... / QĐ-BBCVT

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

BỘ TRƯỞNG
BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

- Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002;
- Căn cứ Nghị định số 90/2002/NĐ-CP của Chính phủ ngày 11/11/2002 về chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Bưu chính, Viễn thông;
- Căn cứ Nghị định số 157/2004/NĐ-CP ngày 18/8/2004 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông về bưu chính;
- Căn cứ Thông tư số...../200.../TT-BBCVT ngày...../...../200... của Bộ Bưu chính, Viễn thông hướng dẫn về cấp giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư và đăng ký làm đại lý chuyển phát thư cho tổ chức chuyển phát nước ngoài;
- Căn cứ kết luận của.....(*Tên cơ quan*) về việc..... hoặc Đơn đề nghị ngừng hoạt động số..... ngày...../...../200... của (*Tên doanh nghiệp*);
- Xét đề nghị của Vụ trưởng Vụ.....

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1: Nay thu hồi Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư số... /GP-BBCVT ngày...../...../200... đã cấp cho..... (*Tên doanh nghiệp*)², có đăng ký kinh doanh tại..... (*Nơi đăng ký*) theo số hiệu đăng ký.....(xxxx) và có trụ sở chính tại.... (*Địa chỉ*).

Điều 2: Doanh nghiệp phải chấm dứt việc ký kết hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ chuyển phát thư và trong thời hạn 30 ngày kể từ ngày Quyết định này có hiệu lực, phải giải quyết thanh lý toàn bộ các hợp đồng cung cấp và sử dụng dịch vụ đã thỏa thuận với khách hàng.

Điều 3: Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày

Điều 4: (*Doanh nghiệp*) và các đơn vị liên quan thuộc Bộ Bưu chính, Viễn thông chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

BỘ TRƯỞNG BỘ BƯU CHÍNH, VIỄN THÔNG

² được thành lập theo Quyết định số... của (*Cơ quan ban hành quyết định*) - nếu có.

PHỤ LỤC 5: Mẫu văn bản đề nghị đăng ký làm đại lý chuyên phát thư cho các tổ chức chuyên phát nước ngoài

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

....., ngày..... tháng..... năm 200.....

**ĐƠN ĐỀ NGHỊ
ĐĂNG KÝ LÀM ĐẠI LÝ CHUYÊN PHÁT THƯ
CHO TỔ CHỨC CHUYÊN PHÁT NƯỚC NGOÀI**

Kính gửi: Bộ Bưu chính, Viễn thông

Căn cứ Pháp lệnh Bưu chính, Viễn thông ngày 25/5/2002 và các văn bản hướng dẫn thi hành,..... (*Tên doanh nghiệp*) đề nghị được đăng ký làm đại lý chuyên phát thư cho..... (*Tên tổ chức chuyên phát nước ngoài*) và cung cấp các nội dung thông tin sau:

Phần 1: Thông tin về doanh nghiệp nhận làm đại lý

1. Tên doanh nghiệp: (*tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa*)

Tên giao dịch.....

Tên viết tắt.....

2. Địa chỉ trụ sở chính.....

Họ, tên người liên lạc trong doanh nghiệp.....

Điện thoại..... FAX..... E-mail..... www.....

3. Giấy phép kinh doanh dịch vụ chuyển phát thư số..... do Bộ Bưu chính, Viễn thông cấp ngày...../...../200.... hoặc Giấy phép đầu tư số..... do Bộ Kế hoạch và Đầu tư cấp ngày..... tháng..... năm.....

Phần 2: Thông tin về tổ chức giao đại lý

1. Tên tổ chức: (*tên đầy đủ ghi bằng chữ in hoa*)

Tên giao dịch.....

Tên viết tắt.....

Quốc tịch.....

2. Địa chỉ trụ sở chính.....

Họ, tên người liên lạc trong tổ chức

Điện thoại..... FAX..... E-mail..... www.....

Địa chỉ trụ sở tại Việt Nam.....

Họ, tên người liên lạc trong tổ chức

Điện thoại..... FAX..... E-mail..... www.....

3. Giấy phép kinh doanh/Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh dịch vụ chuyển phát do cơ quan có thẩm quyền nước ngoài cấp.

Phần 3: Thông tin về dịch vụ

1. Các loại dịch vụ nhận làm đại lý

2. Mô tả tóm tắt dịch vụ (phạm vi cung cấp, đối tượng khách hàng, chất lượng dịch vụ, giá dịch vụ và các thông tin khác).

Phần 4: Cam kết

(Tên doanh nghiệp) xin chịu trách nhiệm về sự chính xác của các thông tin cung cấp về tổ chức giao đại lý và đảm bảo cung cấp (các) dịch vụ đã nhận đại lý theo đúng quy định của pháp luật Việt Nam.

Phần 5: Kèm theo

- Hồ sơ đăng ký làm đại lý theo quy định.

Người lập Đơn đề nghị
(Ký tên, đóng dấu)

Xác nhận đăng ký của Bộ Bưu chính, Viễn thông